

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ
QUỐC TẾ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 24



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tài Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Minh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Vũ Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên
Ông Hồ Sĩ Thuận	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Ngọc Anh	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Nguyễn Anh Minh	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 14 tháng 7 năm 2014)
Ông Vũ Văn Đức	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Anh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Anh Minh

Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015

Số: 337/VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2015, từ trang 04 đến trang 24, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

001
CH
C
ÁCH
DE
VI
/

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 11 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong đó trình bày sự thay đổi thời gian phân bổ chi phí trả trước dài hạn của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Việc thay đổi này đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Nếu thời gian phân bổ trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí giá vốn trong năm 2014 sẽ giảm và số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng thêm với số tiền là 15.161.693.122 đồng, theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2014 sẽ tăng với số tiền tương ứng.



[Signature]
Vũ Đức Nguyên
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0764-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 10 tháng 3 năm 2015
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

[Signature]

Trần Thị Kim Khánh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0395-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		244.972.111.745	233.388.960.055
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	31.874.550.816	40.932.710.861
1. Tiền	111		21.874.550.816	30.390.210.861
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.542.500.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		175.000.000.000	155.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	175.000.000.000	155.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.025.311.447	29.511.811.956
1. Phải thu khách hàng	131		22.474.402.732	26.789.820.371
2. Trả trước cho người bán	132		53.847.940	-
3. Các khoản phải thu khác	135		3.497.060.775	2.721.991.585
IV. Hàng tồn kho	140		9.891.445.921	6.007.023.735
1. Hàng tồn kho	141	7	9.891.445.921	6.007.023.735
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.180.803.561	1.937.413.503
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.961.961.776	1.774.845.503
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		218.841.785	162.568.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+250+260)	200		173.022.378.813	221.870.111.948
I. Tài sản cố định	220		101.924.110.660	130.118.927.689
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	101.924.110.660	130.118.927.689
- Nguyên giá	222		271.703.700.750	271.156.310.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(169.779.590.090)	(141.037.383.061)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	-	-
- Nguyên giá	228		262.420.550	262.420.550
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(262.420.550)	(262.420.550)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		54.549.487.173	54.549.487.173
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	54.549.487.173	54.549.487.173
III. Tài sản dài hạn khác	260		16.548.780.980	37.201.697.086
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	15.678.780.980	36.331.697.086
2. Tài sản dài hạn khác	268		870.000.000	870.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		417.994.490.558	455.259.072.003



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		63.280.977.154	90.354.209.269
I. Nợ ngắn hạn	310		40.831.977.154	53.455.459.269
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	14.966.000.000	14.759.500.000
2. Phải trả người bán	312		16.721.529.607	28.629.249.806
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	947.644.939	3.113.748.535
4. Phải trả người lao động	315		2.294.328.435	3.686.893.248
5. Chi phí phải trả	316		3.168.651.178	1.601.471.546
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		1.434.790.847	1.543.262.108
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.299.032.148	121.334.026
II. Nợ dài hạn	330		22.449.000.000	36.898.750.000
1. Vay dài hạn	334	13	22.449.000.000	36.898.750.000
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		354.713.513.404	364.904.862.734
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	354.713.513.404	364.904.862.734
1. Vốn cổ phần	411		300.000.000.000	300.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.709.511.521	1.709.511.521
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.173.922.567	5.173.922.567
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.613.775.739	6.368.325.617
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		39.216.303.577	51.653.103.029
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		417.994.490.558	455.259.072.003
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			31/12/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại				
- Đô la Mỹ			252,04	787.296,14


 Đoàn Thị Thanh Xuân
 Người lập biểu


 Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng



 Nguyễn Anh Minh
 Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	468.571.383.548	462.014.309.962
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		468.571.383.548	462.014.309.962
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	17	426.407.313.127	403.064.796.887
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		42.164.070.421	58.949.513.075
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	18.974.099.288	19.992.284.974
6. Chi phí tài chính	22	20	2.371.327.401	3.891.525.691
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.606.438.125	2.985.905.895
7. Chi phí bán hàng	24		196.891.017	671.524.938
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.852.013.376	19.267.819.973
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		34.717.937.915	55.110.927.447
10. Thu nhập khác	31		-	4.001.297.641
11. Chi phí khác	32		318.600.000	1.467.222.121
12. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(318.600.000)	2.534.075.520
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		34.399.337.915	57.645.002.967
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	21	5.807.237.123	12.736.000.536
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		28.592.100.792	44.909.002.431


Đoàn Thị Thanh Xuân
Người lập biểu

Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng

 Nguyễn Anh Minh
 Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU B 03-DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>34.399.337.915</i>	<i>57.645.002.967</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	28.742.207.029	28.555.154.562
- Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	568.829.994	760.027.057
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(18.936.568.142)	(19.624.247.102)
- Chi phí lãi vay	06	1.606.438.125	2.985.905.895
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	46.380.244.921	70.321.843.379
- Thay đổi các khoản phải thu	09	4.334.489.910	(2.997.592.794)
- Thay đổi hàng tồn kho	10	(3.884.422.186)	6.179.975.945
- Thay đổi các khoản phải trả	11	(13.270.574.583)	3.744.474.883
- Thay đổi chi phí trả trước	12	20.465.799.833	2.013.200.327
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.674.483.435)	(2.985.905.895)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.041.479.624)	(13.065.177.907)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.722.263.565	88.490.507
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.066.733.408)	(1.562.590.507)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	43.965.104.993	61.736.717.938
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(402.490.000)	(3.169.573.668)
2. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(195.000.000.000)	(155.000.000.000)
3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	175.000.000.000	70.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(25.500.000.000)
5. Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia	27	18.191.304.956	19.752.343.621
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.211.185.044)	(93.917.230.047)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(14.812.150.000)	(14.693.000.000)
2. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(36.000.000.000)	(30.630.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(50.812.150.000)	(45.323.280.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(9.058.230.051)	(77.503.792.109)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	40.932.710.861	118.449.244.292
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	70.006	(12.741.322)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	31.874.550.816	40.932.710.861

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức được chia không bao gồm số tiền là 3.180.416.667 đồng (năm 2013: 2.435.153.481 đồng), là khoản lãi tiền gửi phát sinh trong năm nhưng chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.




Đoàn Thị Thanh Xuân
Người lập biểu



Đỗ Đức Hùng
Kế toán trưởng




Nguyễn Anh Minh
Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103008857 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 12 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 148 người (31 tháng 12 năm 2013: 153 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán phương tiện vận tải, cho thuê tàu, kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô, đường thủy nội địa, kinh doanh vận tải biển và cung cấp các dịch vụ đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, cung ứng tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển, sửa chữa tàu biển tại cảng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, đào tạo nghề, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn gas tại Thành phố Hồ Chí Minh).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Vì thế, Công ty không thực hiện hợp nhất khoản đầu tư vào công ty con trong báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí liên quan, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc, thiết bị	3
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	5 - 12

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính và giấy chứng nhận chứng chỉ ISO 9001:2008 được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty giữ cổ phần chi phối (trên 50%) cũng như quyền kiểm soát tương ứng. Các khoản đầu tư vào công ty con được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Các khoản cổ tức nhận bằng tiền được ghi nhận giảm nguyên giá khoản đầu tư đối với phần phát sinh trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu hoạt động tài chính đối với phần phát sinh kể từ ngày mua. Các khoản cổ tức nhận bằng cổ phiếu được theo dõi ngoài bảng cân đối kế toán. Công ty không ghi nhận tăng khoản đầu tư cũng như doanh thu cổ tức cho khoản cổ tức bằng cổ phiếu này.

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào công ty con được lập khi vốn góp thực tế của các bên tại công ty con lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty mẹ và tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con này.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí cải tạo, sửa chữa văn phòng, chi phí vật tư xuất dùng cho tàu và chi phí sửa chữa tàu, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng từ hai đến hai năm rưỡi.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	194.829.210	1.084.487
Tiền gửi ngân hàng	21.679.721.606	30.389.126.374
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.542.500.000
	<u><u>31.874.550.816</u></u>	<u><u>40.932.710.861</u></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ba tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là 5,3% (31 tháng 12 năm 2013: Khoản tiền gửi bằng đồng Đô la Mỹ có kỳ hạn ba tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất hàng năm được hưởng là 0,25%).

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng đồng Việt Nam có kỳ hạn từ sáu tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất hàng năm được hưởng từ 5,3% - 7,3% (31 tháng 12 năm 2013: Lãi suất hàng năm được hưởng từ 7,1% - 7,2%).

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	9.767.611.251	5.953.467.516
Công cụ, dụng cụ	123.834.670	53.556.219
	<u><u>9.891.445.921</u></u>	<u><u>6.007.023.735</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	5.346.235.449	301.081.612	265.508.993.689	271.156.310.750
Tăng trong năm	547.390.000	-	-	547.390.000
Tại ngày 31/12/2014	<u>5.893.625.449</u>	<u>301.081.612</u>	<u>265.508.993.689</u>	<u>271.703.700.750</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	(1.982.039.268)	(231.690.274)	(138.823.653.519)	(141.037.383.061)
Khấu hao trong năm	(1.327.672.997)	(13.742.497)	(27.400.791.535)	(28.742.207.029)
Tại ngày 31/12/2014	<u>(3.309.712.265)</u>	<u>(245.432.771)</u>	<u>(166.224.445.054)</u>	<u>(169.779.590.090)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2014	<u>2.583.913.184</u>	<u>55.648.841</u>	<u>99.284.548.635</u>	<u>101.924.110.660</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>3.364.196.181</u>	<u>69.391.338</u>	<u>126.685.340.170</u>	<u>130.118.927.689</u>

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thế chấp tài Sản Gòn Gas với nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 133.096.847.966 đồng và 80.412.678.980 đồng (31 tháng 12 năm 2013: 133.096.847.966 đồng và 91.504.082.977 đồng) làm đảm bảo cho khoản vay đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 70.865.829.456 đồng (31 tháng 12 năm 2012: 1.145.358.638 đồng).

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Giấy chứng nhận VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014	136.080.000	126.340.550	262.420.550
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014	(136.080.000)	(126.340.550)	(262.420.550)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014 và ngày 31/12/2014	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Thành phố Hồ Chí Minh	51%	51%	Vận tải và kinh doanh khí hóa lỏng, xăng dầu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	-	7.970.570
Chi phí vật tư xuất dùng và sửa chữa tàu	15.678.780.980	36.323.726.516
	<u>15.678.780.980</u>	<u>36.331.697.086</u>

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ chi phí trả trước dài hạn liên quan đến chi phí sửa chữa lớn tàu và chi phí trả trước dài hạn khác. Chi phí sửa chữa lớn tàu phát sinh trong năm 2011 và 2012 được thay đổi thời gian phân bổ từ 60 tháng xuống còn 30 tháng để phù hợp với hơn với chu kỳ sửa chữa lớn của tàu là 30 tháng một lần. Chi phí trả trước dài hạn khác gồm những công cụ dụng cụ xuất dùng từ những năm trước được ghi nhận hết vào chi phí trong năm 2014 thay vì tiếp tục phân bổ như trước đây. Nếu thời gian phân bổ trước đây được tiếp tục sử dụng, chi phí giá vốn trong năm 2014 sẽ giảm và số dư chi phí trả trước dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ tăng thêm với số tiền là 15.161.693.122 đồng, theo đó lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm 2014 sẽ tăng với số tiền tương ứng.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	414.381.480	2.648.623.981
Thuế thu nhập cá nhân	60.541.411	185.881.945
Thuế giá trị gia tăng	472.722.048	279.242.609
	<u>947.644.939</u>	<u>3.113.748.535</u>

13. VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện khoản vay dài hạn đồng tài trợ bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, hiện nay là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam với tổng hạn mức tín dụng là 5.384.512 Đô la Mỹ. Khoản vay này có thời hạn 7 năm và chịu lãi suất lãi tiền vay hàng năm là 5,5% trong sáu tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân và bằng tổng bình quân lãi suất tiết kiệm bằng Đô la Mỹ của cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của bốn ngân hàng tham khảo được quy định trong hợp đồng cộng 3%. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận tải hình thành từ vốn vay của Công ty (Tàu Sài Gòn Gas) (xem Thuyết minh số 8).

Khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	14.966.000.000	14.759.500.000
Trong năm thứ hai	14.966.000.000	14.759.500.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	7.483.000.000	22.139.250.000
	<u>37.415.000.000</u>	<u>51.658.250.000</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	14.966.000.000	14.759.500.000
Số phải trả sau 12 tháng	<u>22.449.000.000</u>	<u>36.898.750.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phần	VND	Số cổ phần	VND
Được phép phát hành	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000
Đã phát hành và góp vốn đủ	30.000.000	300.000.000.000	30.000.000	300.000.000.000

Cổ phần	31/12/2014		31/12/2013	
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng				
+ Cổ phần phổ thông		30.000.000		30.000.000
- Số lượng cổ phần đang lưu hành				
+ Cổ phần phổ thông		30.000.000		30.000.000

Công ty chi phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với số tài sản thuần của Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	300.000.000.000	1.709.511.521	5.173.922.567	4.296.472.806	41.437.056.220	352.616.963.114
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	44.909.002.431	44.909.002.431
Trích lập các quỹ	-	-	-	2.071.852.811	(4.692.955.622)	(2.621.102.811)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	300.000.000.000	1.709.511.521	5.173.922.567	6.368.325.617	51.653.103.029	364.904.862.734
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	28.592.100.792	28.592.100.792
Trích quỹ dự phòng tài chính (1)	-	-	-	2.245.450.122	(2.245.450.122)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (1)	-	-	-	-	(2.245.450.122)	(2.245.450.122)
Trích quỹ khen thưởng Ban quản lý, điều hành (1)	-	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát không chuyên trách (1)	-	-	-	-	(138.000.000)	(138.000.000)
Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	300.000.000.000	1.709.511.521	5.173.922.567	8.613.775.739	39.216.303.577	354.713.513.404

(1) Đây là số trích lập các quỹ và thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Quản lý điều hành và Ban kiểm soát không chuyên trách từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014.

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-VTSPK-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2014, Công ty đã thông qua việc chia cổ tức cho cổ đông từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2013 với số tiền là 36.000.000.000 đồng.

Chi tiết các cổ đông sở hữu từ 5% cổ phần trở lên tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014		31/12/2013	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	203.209.000.000	67,7	203.209.000.000	67,7
Cổ đông khác	96.791.000.000	32,3	96.791.000.000	32,3
	300.000.000.000		300.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Vận tải Sản phẩm khí Quốc tế là cung cấp dịch vụ vận tải khí hóa lỏng, chủ yếu được thực hiện từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất đến các tỉnh lân cận. Bên cạnh đó, doanh thu bán hàng phát sinh là do Công ty bán dầu cho đối tác từ việc cho thuê tàu định hạn. Đây là doanh thu không thường xuyên, chỉ chiếm 0.5% trong tổng doanh thu của Công ty trong năm 2014 và 3% trong năm 2013. Công ty cũng chưa tổ chức cơ cấu theo các bộ phận. Về mặt địa lý, Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam.

Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 28 “Báo cáo bộ phận” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu bán hàng	2.224.197.618	14.096.223.413
Doanh thu cung cấp dịch vụ	466.347.185.930	447.918.086.549
	<u>468.571.383.548</u>	<u>462.014.309.962</u>

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.224.197.618	14.096.223.413
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	424.183.115.509	388.968.573.474
	<u>426.407.313.127</u>	<u>403.064.796.887</u>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014 VND	2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu	91.930.213.157	66.460.123.259
Chi phí nhân công	35.341.365.470	34.999.336.831
Chi phí khấu hao tài sản cố định	28.742.207.029	28.555.154.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	269.270.625.289	256.357.036.444
Chi phí khác	22.947.608.957	22.536.267.289
	<u>448.232.019.902</u>	<u>408.907.918.385</u>

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.933.762.605	12.763.379.102
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.002.805.537	6.860.868.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	37.531.146	368.037.872
	<u>18.974.099.288</u>	<u>19.992.284.974</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí lãi vay	1.606.438.125	2.985.905.895
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	568.829.994	760.027.057
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	195.644.445	145.592.739
Chi phí tài chính khác	414.837	-
	<u>2.371.327.401</u>	<u>3.891.525.691</u>

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	34.399.337.915	57.645.002.967
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(8.002.805.537)	(6.860.868.000)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	159.867.172
Thu nhập chịu thuế	<u>26.396.532.378</u>	<u>50.944.002.139</u>
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>5.807.237.123</u>	<u>12.736.000.536</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013: 25%).

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có khoản chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị sổ sách của tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính riêng và cơ sở tính thuế thu nhập tương ứng.

22. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	<u>3.914.640.965</u>	<u>4.158.651.451</u>

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	3.933.992.004	3.497.783.785
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.860.180.299	5.920.802.440
	<u>6.794.172.303</u>	<u>9.418.586.225</u>

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Công ty phải trả cho việc thuê xe từ ngày 26 tháng 01 năm 2014 đến ngày 25 tháng 01 năm 2017, thuê kho từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 và thuê văn phòng tại lầu 9, tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 01 tháng 10 năm 2013 đến ngày 30 tháng 9 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	37.415.000.000	51.658.250.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	31.874.550.816	40.932.710.861
Nợ thuần	5.540.449.184	10.725.539.139
Vốn chủ sở hữu	354.713.513.404	364.904.862.734
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,02</u>	<u>0,03</u>

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.874.550.816	40.932.710.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.654.819.399	29.224.973.852
Các khoản đầu tư tài chính	175.000.000.000	155.000.000.000
Các khoản ký quỹ	876.000.000	881.000.000
Tổng cộng	<u>233.405.370.215</u>	<u>226.038.684.713</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	37.415.000.000	51.658.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.132.176.454	28.687.659.806
Chi phí phải trả	3.168.651.178	1.601.471.546
Tổng cộng	<u>58.715.827.632</u>	<u>81.947.381.352</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.388.615	16.600.139.112	37.415.000.000	51.728.673.900
Yên Nhật (JPY)	-	-	-	3.464.580.709

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ.

Công ty phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 1.122.611.658 đồng (năm 2013: 1.053.856.044 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của khoản vay của Công ty (xem Thuyết minh số 13) đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất thả nổi của khoản vay này tăng/giảm 100 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 374.150.000 đồng (năm 2013: 516.582.500 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Ban Giám đốc đánh giá rằng không có rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***Rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.874.550.816	-	31.874.550.816
Phải thu khách hàng và phải thu khác	25.654.819.399	-	25.654.819.399
Các khoản đầu tư tài chính	175.000.000.000	-	175.000.000.000
Các khoản ký quỹ	6.000.000	870.000.000	876.000.000
	232.535.370.215	870.000.000	233.405.370.215
Các khoản vay	14.966.000.000	22.449.000.000	37.415.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	18.132.176.454	-	18.132.176.454
Chi phí phải trả	3.168.651.178	-	3.168.651.178
	36.266.827.632	22.449.000.000	58.715.827.632
Chênh lệch thanh khoản thuần	196.268.542.583	(21.579.000.000)	174.689.542.583
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm trở lên VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.932.710.861	-	40.932.710.861
Phải thu khách hàng và phải thu khác	29.224.973.852	-	29.224.973.852
Các khoản đầu tư tài chính	155.000.000.000	-	155.000.000.000
Các khoản ký quỹ	11.000.000	870.000.000	881.000.000
	225.168.684.713	870.000.000	226.038.684.713
Các khoản vay	14.759.500.000	36.898.750.000	51.658.250.000
Phải trả người bán và phải trả khác	28.687.659.806	-	28.687.659.806
Chi phí phải trả	1.601.471.546	-	1.601.471.546
	45.048.631.352	36.898.750.000	81.947.381.352
Chênh lệch thanh khoản thuần	180.120.053.361	(36.028.750.000)	144.091.303.361

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty mẹ
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu - Chi nhánh Tổng	Chi nhánh của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu – Chi nhánh Tổng	Cùng chủ sở hữu
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	(Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí)
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	Công ty thuộc Công ty Cổ phần PVI (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Đóng mới & Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Công ty thuộc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	Công ty thuộc Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (Công ty con của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Cho thuê tàu		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng		
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	109.732.112.731	67.409.020.188
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	313.957.217.759	336.538.514.392
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>30.802.968.000</u>	<u>10.101.420.000</u>
Bán nhiên liệu khí on-hire		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng		
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	-	4.730.657.915
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>2.188.952.818</u>	<u>3.067.084.741</u>
Thuê tàu và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>209.777.843.297</u>	<u>66.711.714.721</u>

125
HI N
:ON
NHIE
:LO
:ET
TP.1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾLầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Mua dịch vụ đại lý tàu và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	17.855.592.277	40.207.078.007
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	1.622.901.208	1.171.945.406
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	<u>2.621.430.122</u>	<u>2.137.587.493</u>
Thuê xe và mua nhiên liệu		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	38.854.175	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	<u>1.097.715.034</u>	<u>608.304.928</u>
Mua dịch vụ bảo hiểm		
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Phía Nam	6.159.467.084	5.700.673.896
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	<u>249.783.059</u>	<u>252.600.031</u>
Mua dịch vụ giám định và vật tư an toàn		
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	19.500.000	-
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam	<u>438.311.000</u>	<u>277.151.000</u>
Phí bồi thường và phạt tàu		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	<u>1.467.222.121</u>
Mua khí hóa lỏng và nhiên liệu		
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	-	7.065.569.726
Công ty Chế biến khí Vũng Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	-	<u>18.700.000</u>
Chi phí sửa chữa tàu		
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	328.750.000	-
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch	<u>1.622.053.877</u>	<u>4.230.753.283</u>
Mua sơn bảo dưỡng		
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	<u>1.210.767.712</u>	<u>1.727.911.404</u>
Mua dịch vụ cung ứng thuyền viên		
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>928.988.863</u>	-
Nhận cổ tức		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	<u>8.002.805.537</u>	<u>6.860.868.000</u>
Cổ tức đã công bố và chi trả		
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	<u>24.385.080.000</u>	<u>20.320.900.000</u>
Góp vốn trong năm		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	<u>25.500.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI SẢN PHẨM KHÍ QUỐC TẾ

Lầu 9, Tòa nhà Green Power, 35 Tôn Đức Thắng, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2014	2013
	VND	VND
Lương	2.233.876.095	1.938.987.969
Tiền thưởng	144.000.000	19.000.000
	2.377.876.095	1.957.987.969


Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Lọc hoá dầu Bình Sơn	17.051.932.132	22.910.857.634
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	1.912.949.215
Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí – Chi nhánh Tổng		
Công ty Khí Việt Nam – Công ty Cổ phần	4.317.764.968	-
Các khoản phải trả khác		
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	-	1.467.222.121
Các khoản phải trả người bán		
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Hà Nội	404.578.611	238.202.978
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	279.932.598	260.314.448
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	119.325.765	192.725.560
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	9.442.575.711	14.530.459.825
Công ty Cổ phần Sơn Dầu khí Việt Nam	-	508.764.245
Công ty Cổ phần Dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long	33.255.000	58.804.900
Công ty Dịch vụ Quản lý Tàu – Chi nhánh Tổng Công	-	147.383.058
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	-	12.031.800


 Đoàn Thị Thanh Xuân
 Người lập biểu


 Đỗ Đức Hùng
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Anh Minh
 Giám đốc
 Ngày 10 tháng 3 năm 2014

